

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2850/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 25 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua hóa chất máy sinh hóa tự động, hóa chất máy huyết học, test sinh phẩm chẩn đoán do Trung tâm Y tế huyện Tuy Phong làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 63/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3955/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 02/10/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp về đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan nhà nước bằng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phong tại Tờ trình số 88/TTr-TTYT ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Giám đốc Sở Y tế tại Báo cáo thẩm định số 329/BC-SYT ngày 28 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua hóa chất máy sinh hóa tự động, hóa chất máy huyết học, test sinh phẩm chẩn đoán do Trung tâm Y tế huyện Tuy Phong làm chủ đầu tư, cụ thể như sau:

Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
<i>Gói thầu số 1:</i> Mua hóa chất máy sinh hóa tự động TYB-18	1.726.298.000	Từ nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh của đơn vị	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, 01 túi hồ sơ	Quý IV năm 2021	Hợp đồng trộn gói	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
<i>Gói thầu số 3:</i> Mua test sinh phẩm chẩn đoán - vật tư y tế cho Khoa Xét nghiệm	1.904.570.000	Từ nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh của đơn vị	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, 01 túi hồ sơ	Quý IV năm 2021	Hợp đồng trộn gói	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
Tổng cộng	3.630.868.000						

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Chủ đầu tư căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt tại Quyết định này và các tài liệu có liên quan để thực hiện các thủ tục mua sắm theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phong và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (đ/c Minh);
- Lưu: VT, TH. Phú.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh

PHỤ LỤC

Danh mục các gói thầu mua hóa chất máy sinh hóa tự động, hóa chất máy huyết học, test sinh phẩm chẩn đoán do Trung tâm Y tế huyện Tuy Phong làm chủ đầu tư

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2850 /QĐ-UBND
ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

1. Gói thầu số 1: Mua hóa chất máy sinh hóa tự động TYB-18

STT	Danh mục	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (đồng)
1	Cholesterol	R1: 6 x 30ml	Hộp	26	3.536.500	91.949.000
2	Control N	4 x 5ml	Hộp	22	3.840.000	84.480.000
3	Creatinine (Spinreact)	R1: 3 x 30ml R2: 1 x 30ml	Hộp	35	4.317.500	151.112.500
4	Dung dịch rửa số CD 80 Detergent	500ml/hộp	Hộp	5	13.000.000	65.000.000
5	Gamma-GT	R1: 5x25ml R2: 1x32ml	Hộp	26	6.550.000	170.300.000
6	Glucose	6 x 30ml	Hộp	55	780.000	42.900.000
7	GOT/AST	R1: 5x25ml R2: 1x32ml	Hộp	35	2.512.000	87.920.000
8	GPT/ALT	R1: 5x25ml R2: 1x32ml	Hộp	35	2.512.000	87.920.000

STT	Danh mục	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (đồng)
9	HDL-Cholesterol Direct Enzymatic	R1: 4 x 30ml R2: 2 x 20ml	Hộp	26	13.230.000	343.980.000
10	Multi Calibrator	4 x 3ml	Hộp	9	3.840.000	34.560.000
11	Triglycerides	6 x 30ml	Hộp	35	4.920.000	172.200.000
12	Urea	R1: 5 x 25ml R2: 1 x 32ml	Hộp	35	6.230.000	218.050.000
13	Uric Acid	R1: 3 x 30ml R2: 3x30ml	Hộp	26	5.200.000	135.200.000
14	Bilirubin Direct	R1: 5 x 25ml R2: 1 x 32ml	Hộp	26	783.200	20.363.200
15	Bilirubin Total	R1: 5 x 25ml R2: 1 x 32ml	Hộp	26	783.200	20.363.200
	Tổng cộng					1.726.297.900
	LÀM TRÒN					1.726.298.000

II. Gói thầu số 3: Mua test sinh phẩm chẩn đoán - Vật tư y tế cho Khoa Xét nghiệm

STT	Danh mục	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (đồng)
1	Bio Syphilis Device	30 test/ hộp	Test	2.500	22.822	57.055.000
2	Bioline H. Pylori	30 test/ hộp	Test	3.500	41.895	146.632.500
3	Bioline Dengue IgG/IgM	25 test/ hộp	Test	8.800	74.970	659.736.000
4	Bioline Dengue NS1 Ag	25 test/ hộp	Test	6.600	109.074	719.888.400
5	Bioline HBsAg	30 test/ hộp	Test	1.100	16.800	18.480.000

STT	Danh mục	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (đồng)
6	Bioline HCV	30 test/ hộp	Test	550	26.500	14.575.000
7	Bioline HIV 1/2 3.0	30 test/ hộp	Test	770	35.280	27.165.600
8	Que thử phân tích nước tiểu (10 Parameters)	100 test/ hộp	Test	1.000	2.646	2.646.000
9	Anti - A Monoclonal Reagent (Định tính nhóm máu)	10ml/lọ	Lọ	20	109.200	2.184.000
10	Anti - B Monoclonal Reagent (Định tính nhóm máu)	10ml/lọ	Lọ	20	109.200	2.184.000
11	Anti - AB Monoclonal Reagent	10ml/lọ	Lọ	20	131.250	2.625.000
12	Anti - D IgG/IgM Blend reagenty (Định tính nhóm máu)	10ml/lọ	Lọ	20	211.575	4.231.500
13	Test nhanh viêm gan E	30test/ hộp	Test	550	34.335	18.884.250
14	Test nhanh viêm gan A	30test/ hộp	Test	550	34.335	18.884.250
15	Test đo đường huyết	25 test/ hộp	Test	6.000	7.980	47.880.000
16	Ống nghiệm Citrate 3.8% 1ml nắp xanh lá, Mous thấp	2400 ống/ thùng	Ống	6.000	816	4.896.000
17	Ống nghiệm Citrate 3.8% 2ml nắp xanh lá, Mous thấp	2400 ống/ thùng	Ống	6.000	816	4.896.000
18	Ống nghiệm EDTA K2 1ml nắp xanh dương, mous thấp	2400 ống/ thùng	Ống	55.000	772	42.460.000
19	Ống nghiệm EDTA K2 2ml nắp xanh dương, mous thấp	2400 ống/ thùng	Ống	60.000	772	46.320.000
20	Ống nghiệm EDTA K3 0.5ml nắp bật (nhi) màu trắng, mous thấp	4200 ống/ thùng	Ống	7.000	1.213	8.491.000

STT	Danh mục	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (đồng)
21	Ống nghiệm Heparin Lithium 1ml nắp đen, mous thấp	2400 ống/ thùng	Ống	8.800	948	8.342.400
22	Ống nghiệm Heparin Lithium 2ml nắp đen, mous thấp	2400 ống/ thùng	Ống	12.000	948	11.376.000
23	Ống nghiệm nhựa PS 5ml không nắp, không nhãn	500 ống/ thùng	Ống	20.000	287	5.740.000
24	Ống nghiệm Serum hạt nhỏ nắp đỏ	2.500 ống/thùng	Ống	20.000	926	18.520.000
25	Ống nghiệm Serum hạt to nắp đỏ	2.500 ống/thùng	Ống	2.500	831	2.077.500
26	Ống nghiệm nhựa PS 5ml có nắp, không nhãn	500 ống/ thùng	Ống	20.000	420	8.400.000
	Tổng cộng					1.904.570.400
	LÀM TRÒN					1.904.570.000